

BÁO CÁO

Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Công văn số 1740/UBND-KTTH ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh về việc Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị Khóa XII, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Phần I

CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW NGÀY 15/01/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XII

I. Công tác phổ biến, quán triệt Nghị quyết

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo các Phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc Sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền đến toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động về Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị Khóa XII thông qua lồng ghép nội dung trong sinh hoạt chi bộ, họp cơ quan... Từ đó, tạo được sự đồng thuận, nhất trí cao trong nhận thức và hành động của toàn thể đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện trong việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII.

II. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 219-KH/TU ngày 19/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai thực hiện:

- Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020.

- Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022.

- Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh.

Phần II

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW NGÀY 15/01/2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XII

I. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu

Đến năm 2025, phấn đấu đưa tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản dưới 33% tổng số lao động toàn tỉnh. Kết quả: Năm 2019 tỷ lệ lao động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản là 49,3%, năm 2022 là 33,3% (chưa đạt mục tiêu).

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Thực hiện đồng bộ các chính sách hỗ trợ, phát triển nông nghiệp nông thôn

Từ năm 2019 đến nay, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ, phát triển nông nghiệp nông thôn có hiệu quả như: Chính sách hỗ trợ khuyến khích dồn điền đổi thửa, chính sách khuyến khích phát triển thủy sản,...

Nhờ đó, đến nay giá trị sản xuất nông, lâm và thủy sản năm 2023 ước đạt 18.848,1 tỷ đồng, trong đó: Nông nghiệp 9.446,1 tỷ đồng, lâm nghiệp 2.146,5 tỷ đồng, thủy sản 7.255,5 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2019-2023 là 3,61%/năm, trong đó: Nông nghiệp tăng 2,1%/năm, lâm nghiệp tăng 9,31%/năm, thủy sản tăng 4,24%/năm.

- Về thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa: Nhờ thực hiện chính sách đã khắc phục dần sự manh mún về ruộng đất, góp phần từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung theo hình thức cánh đồng mẫu lớn, mở đường cho quá trình phát triển sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp. Sau 05 năm thực hiện đến nay trên toàn tỉnh đã triển khai thực hiện 496 cánh đồng mẫu lớn với diện tích 9.590,6 ha. Đã triển khai ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác, đưa cơ giới hóa vào sản xuất góp phần làm giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường, tạo ra sản phẩm an toàn với giá trị cao, hình thành các cánh đồng có giá trị sau thu hoạch đạt 100 triệu đồng /ha, giúp tăng thu nhập cho người dân.

- Về thực hiện các chính sách phát triển thủy sản: Thực hiện Chính sách khuyến khích, hỗ trợ ngư dân khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ, qua đó đã kịp thời tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ cho ngư dân đầu tư cải hoán, nâng cấp tàu cá để tham gia khai thác hải sản trên các vùng biển xa, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu

Thời gian qua, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi của tỉnh đi đúng hướng mang lại hiệu quả tích cực.

- Về trồng trọt: Thông qua các mô hình chuyển đổi, từng bước giúp nông dân chuyển đổi cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng, điều kiện sản xuất của từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu thị trường, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Đến nay đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm khác trên diện tích 3.792,12 ha, diện tích chuyển đổi đã mang lại hiệu quả từ 5,3 đến 78,6 triệu đồng/ha so với trồng lúa, nhất là

việc chuyển sang trồng rau các loại; đồng thời tuyên truyền, khuyến khích người dân cải tạo vườn tạp, chuyển đổi các loại cây trồng kém hiệu quả sang canh tác các loại cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao như các loại cây ăn quả, đến năm 2023 diện tích trồng cây ăn quả trên toàn tỉnh khoảng: 3.161,28 ha, trong đó diện tích cây ăn quả chủ lực khoảng 2.759,7 ha, diện tích cho sản phẩm: 1.939,3 ha, sản lượng thu hoạch khoảng 12.102,4 tấn, gồm các loại cây ăn quả chủ lực có giá trị kinh tế cao như: Chuối, Bưởi, Chôm chôm, Mít, Xoài.

- Về thủy sản: Trong 05 năm qua, ngành thủy sản chú trọng công tác chuyển đổi con giống trong quá trình phát triển của ngành, chú trọng lựa chọn sản xuất và cung ứng đủ giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, đồng thời tuyên truyền, khuyến khích người nuôi đưa những con giống có giá trị kinh tế, phù hợp về địa phương để thả nuôi nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trong nuôi trồng thủy sản.

- Về chăn nuôi: Cơ cấu lại giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị. Thời gian qua, đã triển khai thực hiện các dự án: Cải tạo nâng cao tầm vóc đàn trâu ở các huyện miền núi và một số huyện đồng bằng; hỗ trợ phát triển đàn bò theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng; xây dựng mô hình chăn nuôi lợn Kiềm sắt thương phẩm phát huy lợi thế cạnh tranh...

3. Đa dạng hóa nguồn lực phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

Từ năm 2019 đến nay, tỉnh Quảng Ngãi đã huy động nhiều nguồn lực hỗ trợ cho công tác phòng, chống thiên tai, cụ thể:

- Ngân sách trung ương, tỉnh: Ngân sách Trung ương đã hỗ trợ các địa phương, đơn vị và người dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra với tổng kinh phí là 610 tỷ đồng, để xây dựng 11 công trình chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Từ nguồn hỗ trợ từ Trung ương, nguồn Ngân sách tỉnh, đã tổ chức lắp đặt hệ thống cảnh báo thiên tai, xây dựng cơ sở dữ liệu phòng, chống thiên tai và các công cụ để tham mưu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai.

- Hỗ trợ của các tổ chức quốc tế: Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu thiên tai tại Miền Trung, Việt Nam - Giai đoạn 3” do Hội Chữ thập đỏ Mỹ tài trợ thông qua tổ chức Save the Children International (SCI) từ nguồn của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID/OFDA); 10 gói viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai với tổng kinh phí là: 47.726 triệu đồng; dự án "Tăng cường năng lực và mở rộng quy mô triển khai hành động sớm cùng việc kết nối với hệ thống bảo trợ xã hội" tại 03 xã thường xuyên chịu tác động của thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Ngoài ra, còn từ nguồn xã hội hoá (Quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn tài trợ khác).

4. Tập trung đầu tư cho sản phẩm chủ lực có tiềm năng, lợi thế, có khả năng nâng cao giá trị gia tăng của địa phương; chuyển sản xuất từ coi trọng số lượng sang chất lượng thông qua các giải pháp ứng dụng công

nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm,... để tăng tính cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm

Tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 tại Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 18/02/2022, trong đó đã xác định được một số mặt hàng nông sản chủ lực như: Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia (Lúa gạo; sắn (mì); heo; thịt và trứng gia cầm, tôm; gỗ, sản phẩm từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ); nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (Ngô, rau, cây dược liệu, lạc, cây ăn quả; trâu, bò, hải sản) và nhóm sản phẩm đặc sản địa phương (Cây quế, hành, tỏi, chè và một số sản phẩm được chế biến từ các nguồn nguyên liệu chủ lực, thế mạnh, đặc trưng của địa phương). Hiện nay, ngành nông nghiệp đang chú trọng sản xuất lúa gạo, rau màu, các sản phẩm chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững. Chuyển sản xuất từ coi trọng số lượng sang chất lượng thông qua các giải pháp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm,... để tăng tính cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm.

Nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao thuộc lĩnh vực trọng điểm bước đầu đã thu hút đầu tư một số mô hình sản xuất rau an toàn, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao. Trên địa bàn tỉnh hiện nay có 80ha diện tích lúa được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 800tấn/năm; 18,95ha diện tích rau được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 425,5tấn/năm; 82,5ha diện tích cây ăn quả được chứng nhận VietGAP, với sản lượng dự kiến 2.253,0tấn/năm. Công tác xây dựng mã số vùng trồng đang được các ngành chức năng Quảng Ngãi gấp rút thực hiện. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã cấp 11 mã số vùng trồng tiêu thụ nội địa và 01 giấy xác nhận mã số vùng trồng chuỗi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc cho công ty cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi và đã được nước nhập khẩu phê duyệt.

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường: Định hướng phát triển chăn nuôi theo vùng đạt kết quả khả quan, việc chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô trang trại đang tiến triển tích cực. Nhiều trang trại chăn nuôi đã và đang bắt đầu ứng dụng chăn nuôi tuần hoàn, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao tạo ra một lượng sản phẩm lớn, năng suất cao, chất lượng tốt và đặc biệt là thân thiện với môi trường như: Sử dụng công nghệ giám sát trại chăn nuôi bằng hệ thống camera từ xa; sử dụng công nghệ dây chuyền thức ăn công nghiệp tự động, xây dựng hệ thống xử lý chất thải để thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi tập trung.

5. Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng; tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng; triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng gỗ lớn; hỗ trợ khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND

ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh. Đẩy mạnh công tác giao đất giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp.

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng: Thực hiện tuyên truyền về quản lý bảo vệ rừng trên đài phát thanh và truyền hình tỉnh, tổ chức hội nghị, in ấn tờ rơi, áp phích tuyên truyền,... Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo cho các cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch hoặc tham mưu Sở thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm trong các lĩnh vực: phòng cháy, chữa cháy rừng; kinh doanh chế biến lâm sản; sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp tại các địa phương. Lực lượng Kiểm lâm tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, giám sát, xử lý việc thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR trên toàn tỉnh; xử lý nghiêm tổ chức, tập thể, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm các quy định về quản lý rừng, bảo vệ rừng, sử dụng và phát triển rừng, quản lý lâm sản và PCCCR nhằm phòng ngừa chung và răn đe giáo dục riêng. Qua đó, đã tổ chức 3.616 đợt truy quét bảo vệ rừng tại gốc, 4.100 đợt kiểm tra, 15.187 lượt tuần tra bảo vệ rừng; phát hiện và xử lý 1.130 vụ, trong đó: xử lý hành chính 1.104 vụ; khởi tố hình sự 26 vụ, 27 bị can; tịch thu 1.087,76 m³ gỗ các loại; Số tiền thu nộp ngân sách: 10.480.404.614 đồng. Thực hiện ứng dụng công nghệ trong giám sát tài nguyên rừng: UBND tỉnh đã cho chủ trương đầu tư dự án "Hiện đại hóa, nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi", trong đó, ứng dụng công nghệ, thông tin cùng với các trang thiết bị máy móc hiện đại hỗ trợ lực lượng Kiểm lâm trong việc theo dõi giám sát tài nguyên rừng và công tác PCCCR trên địa bàn. Thành lập Ban Chỉ đạo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cấp tỉnh¹ và Văn phòng Ban Chỉ đạo đặt tại Chi cục Kiểm lâm²; thành lập 13 Ban Chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố và 148 Ban Chỉ đạo cấp xã, phường, thị trấn, với Trưởng ban là lãnh đạo UBND các cấp, thành viên là các cơ quan đơn vị có liên quan.

- Nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng: Để tăng tỷ lệ che phủ rừng, công tác phát triển rừng luôn được chú trọng. Hiện nay, tỷ lệ che phủ rừng đạt tỷ lệ 52% và đảm bảo giữ ổn định đến năm 2030. Để nâng cao chất lượng rừng hiện có, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 1386/UBND-KTN ngày 19/3/2024 triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng gỗ lớn; hỗ trợ khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của HĐND tỉnh: Kết quả thực hiện: Chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn: 211,28 ha/428,33 ha, đạt 49,33% so với diện tích được phê duyệt; Trồng cây

¹ Các Quyết định của UBND tỉnh: số 770/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; số 1420/QĐ-UBND ngày 14/9/2021;

² Quyết định số 29/QĐ-SNNPTNT ngày 18/01/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm: 69.694 cây/70.000 cây, đạt 99,56%, so với số lượng cây được phê duyệt. Tổng kinh phí thực hiện: 4.559 triệu đồng. Đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh, trong đó có đối tượng thuộc các huyện: Ba Tơ, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và Trà Bồng.

- Về công tác giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp: Tổng diện tích rừng thuộc đối tượng giao, cho thuê cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng là 127.763,27 ha (*rừng tự nhiên: 104.004,76 ha; rừng trồng vốn ngân sách: 23.758,51 ha*), trong đó: Giao rừng cho tổ chức: 102.893,0 ha (*Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh 96.215,44 ha; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ 6.047,11 ha; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 199,17 ha; Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc môi trường 431,28 ha*); giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (*Giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ*): 24.854,11 ha; Cho thuê rừng cho tổ chức: 16,16 ha.

6. Tiếp tục hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới tàu thuyền công suất lớn; khơi thông luồng, đảm bảo tàu thuyền ra vào cảng. Phát triển bền vững kinh tế biển trên nền tảng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

- Về hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới tàu thuyền công suất lớn: Để hỗ trợ phát triển cho ngành thủy sản Chính phủ đã ban hành Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 7/7/2014 về một số chính sách phát triển thủy sản (*gọi tắt là Nghị định 67*). Nghị định 67 bao gồm các chính sách về đầu tư, tín dụng, bảo hiểm, chính sách ưu đãi thuế và một số chính sách khác nhằm phát triển thủy sản, trong đó khuyến khích ngư dân đóng tàu công suất lớn, vỏ thép để dần chuyển từ khai thác gần bờ sang khai thác xa bờ có giá trị kinh tế cao hơn. Trên địa bàn tỉnh, số tàu cá đóng mới xong đi vào hoạt động/ tổng số tàu cá được UBND tỉnh phê duyệt theo Nghị định 67 là 63/68 tàu. Tổng số tiền các chi nhánh ngân hàng cam kết cho vay là 387,1 tỷ đồng; đã giải ngân 383,1 tỷ đồng. Qua đó, đã hỗ trợ tạo điều kiện cho ngư dân đóng mới, nâng cấp tàu cá hiện đại, vươn khơi bám biển khai thác thủy sản, phát triển đội tàu và mở rộng kinh tế biển đảo. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, chính sách này đã không đạt được mục đích như kỳ vọng ban đầu. Sau 10 năm, nhiều tàu cá hoạt động không hiệu quả, nằm bờ dẫn đến không trả được nợ gốc/lãi cho ngân hàng theo đúng cam kết.

- Về khơi thông luồng, đảm bảo tàu thuyền ra vào cảng: Đối với luồng ra vào Cảng cá Sa Huỳnh: Hiện nay, Ban Quản lý dự đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai công trình Đê chắn cát, giảm sóng và nạo vét thông luồng vào Khu neo đậu tránh trú bão cảng cá Sa Huỳnh, công trình được khởi công ngày 14/12/2023 và dự kiến hoàn thành ngày 03/12/2025. Đối với luồng ra vào Cảng cá Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa: Hiện nay, Sở

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đang triển khai dự án Nâng cấp, mở rộng khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa, dự án được khởi công ngày 15/12/2023 và dự kiến hoàn thành ngày 15/12/2025.

- Về phát triển bền vững, bảo tồn các hệ sinh thái biển: Đã tổ chức thực hiện Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và nghề cá thương phẩm tỉnh Quảng Ngãi phục vụ quản lý nghề cá bền vững. Phối hợp Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh thực hiện dự án “*Sinh kế bền vững cho cộng đồng ven biển Bình Sơn thông qua trao quyền cho cộng đồng bảo tồn các hệ sinh thái và văn hóa tri thức bản địa trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”. Đến nay huyện Bình Sơn đã thành lập Tổ cộng đồng bảo vệ hệ sinh thái rạn san hô tại Gành Yên, xã Bình Hải và đang triển khai thành lập Tổ cộng đồng bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn Bàu Cá Cái, xã Bình Thuận. Hằng năm triển khai thực hiện thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản ở các thủy vực mặn, lợi tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

- Về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về chống khai thác IUU: Kết quả thực hiện chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên địa bàn tỉnh theo các nội dung chỉ đạo của Thường trực Ban Bí thư, Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN và PTNT, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đặc biệt tỉnh Quảng Ngãi đã kiểm soát, ngăn chặn có hiệu quả tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản. Tuy nhiên, để gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi việc thực hiện nội dung Công điện số 1058/CD-TTg ngày 04/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách, trọng tâm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu.

7. Tiếp tục rà soát đầu tư các hạng mục cần thiết phải khắc phục, sửa chữa các cảng cá được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác ở tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo theo yêu cầu đối với cảng đủ tiêu chuẩn xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác

Từ năm 2019 đến nay, Ban Quản lý các cảng cá tỉnh triển khai thực hiện: Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công trình hạ tầng kỹ thuật về an toàn thực phẩm Nhà phân loại cá tại Cảng cá Sa Huỳnh và Nhà phân loại cá Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hòa; thực hiện việc mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác chống khai thác IUU; sửa chữa, bảo dưỡng Nhà làm việc, Nhà tập thể và Bếp ăn, tường rào, cổng ngõ (Cảng neo trú tàu thuyền Lý Sơn); sửa chữa, bảo dưỡng Nhà làm việc, Cổng, Nhà bảo vệ (Cảng neo trú tàu thuyền Tịnh Hòa).

III. Tồn tại, hạn chế

1. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng đến thời vụ và sinh trưởng phát triển cây trồng; giá cả không ổn định nên việc tìm đầu ra cho nông sản còn gặp khó khăn, dẫn đến sự lựa chọn cây trồng

còn lúng túng, thiếu định hướng cụ thể, chưa xác định được lợi thế của từng địa phương để lựa chọn phát triển đối tượng cây trồng chủ lực.

2. Diện tích sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ, gây khó khăn cho việc sản xuất trồng trọt theo hướng hàng hóa cũng như áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật.

3. Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư triển khai các chương trình, dự án bảo vệ, phát triển rừng và phát triển sản xuất lâm nghiệp còn rất thấp so với nhu cầu. Cơ sở vật chất cho công tác bảo vệ rừng, PCCCR, hoạt động theo dõi diễn biến rừng chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

4. Giá thành sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao cao hơn 2-3 lần so với các sản phẩm nông nghiệp thông thường. Tuy nhiên, người tiêu dùng không phân biệt được sự khác nhau giữa các sản phẩm, điều đó dẫn đến gây nhiều khó khăn cho đầu ra của sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ.

5. Nợ dân làm ăn thua lỗ nên tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định 67 qua các năm gần đây đang ở mức rất cao (năm 2021 là 89,7%; năm 2022 là 88,2%; năm 2023 là 89,4%), gây khó khăn cho cả ngân hàng và ngư dân.

6. Việc thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ đối với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao rừng gắn với giao đất, nhận khoán bảo vệ rừng còn hạn chế, chưa thật sự hiệu quả dẫn đến chưa kịp thời phát hiện các vụ xâm hại đến tài nguyên rừng trên diện tích được giao để báo cáo với cơ quan chức năng ngăn chặn và xử lý.

Phần III

KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

I. Bối cảnh và điều kiện mới đặt ra

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Biến đổi khí hậu diễn biến nhanh hơn dự báo và tác động sâu rộng đến kinh tế của một số quốc gia, châu lục. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nghèo đói, gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới.

2. Bối cảnh trong nước

Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn; có chính sách hỗ trợ phát triển, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Dự báo giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp trong GDP cả nước sẽ giảm dần và còn dưới 10% nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Nông nghiệp vẫn tạo việc làm và thu nhập cho gần 40% lao động và khoảng 60% dân số cả nước, góp phần quan trọng đảm bảo vững chắc an ninh

lượng thực quốc gia, bảo đảm tính bền vững của quá trình phát triển kinh tế, ổn định chính trị-xã hội đất nước.

II. Kiến nghị

1. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sớm tham mưu ban hành chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi theo từng loại rừng, bao gồm: quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản theo từng loại rừng.

2. Đối với UBND tỉnh

UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển thủy sản đã được phê duyệt, đặc biệt là các dự án về đầu tư hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản, đầu tư hệ thống xử lý rác thải, xử lý nước thải trước khi thải ra bên ngoài, các dự án về đầu tư áp dụng các ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ trong nuôi trồng thủy sản nhằm hạn chế xả thải ra môi trường, hướng đến phát triển thủy sản một cách ổn định và bền vững.

Trên đây là báo cáo Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Giám đốc Sở;
- Các Chi cục thuộc Sở;
- Ban Quản lý các cảng cá tỉnh;
- Lưu; VT, KHTC_{Ngọc}.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương